

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU THÀNH
TỈNH KIÊN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **82/2022/HNGĐ-ST**

Ngày: 27/9/2022

V/v tranh chấp ly hôn và nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH KIÊN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Danh Phạm Ngọc Khánh**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Nguyễn Duy Khương**

2. Ông **Nhâm Đức Hùng**

- Thư ký phiên Tòa: Bà **Nguyễn Kiều Duyên** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành tham gia phiên tòa:
Bà **Phạm Thị Thúy Kiều** – Kiểm Sát viên.

Ngày 27 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 345/2022/TLST- HNGĐ, ngày 12 tháng 07 năm 2022 về việc “*Tranh chấp ly hôn và nuôi con*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 86/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 19 tháng 8 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 48/2022/QĐST-HNGĐ ngày 08 tháng 9 năm 2022 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị **Thị P**, sinh năm 1992

Địa chỉ: ấp TH, xã TL, huyện Châu Thành, Kiên Giang.

(Chị P có đơn xin xét xử vắng mặt)

2. *Bị đơn:* Anh **Danh P**, sinh năm 1993

Địa chỉ: ấp TH, xã TL, huyện Châu Thành, Kiên Giang.

(Anh P đã được triệu tập họp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 17/6/2022, bản tự khai, lời trình bày trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Thị P trình bày:

Vào năm 2009, chị cùng anh P, có tổ chức lễ cưới, chung sống vợ chồng và có đăng ký kết hôn tại UBND xã TL, huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang theo quy định pháp luật.

Trong quá trình chung sống vợ chồng anh chị có 02 con chung là cháu Danh Thị Thu P, sinh ngày 01/01/2011 và cháu Danh Thị Thu P, sinh ngày 30/04/2013. Về tài sản chung: quá trình chung sống vợ chồng chị không có tạo lập tài sản chung; về nợ chung: vợ chồng chị không có nợ ai và người khác nợ vợ chồng chị.

Nguyên nhân mâu thuẫn: Trong quá trình chung sống thời gian đầu rất hạnh phúc, nhưng thời gian sau chị P cảm thấy vợ chồng không hợp nhau và không có tiếng nói chung mặc dù không cãi nhau, không đánh nhau. Đến ngày 30/8/2021 âm lịch thì anh P tự ý bỏ về nhà cha mẹ ruột sinh sống cho đến nay mà không nói rõ lý do.

Nay chị P xác định tình cảm vợ chồng không còn, hạnh phúc gia đình không đạt được nên chị làm đơn xin ly hôn gửi đến Tòa án yêu cầu giải quyết cho chị như sau:

- Về hôn nhân: Xin được ly hôn với anh P;
- Về con chung: Yêu cầu được chăm sóc nuôi dưỡng 02 người con chung là cháu Danh Thị Thu P, sinh ngày 01/01/2011 và cháu Danh Thị Thu P, sinh ngày 30/04/2013, chị P không yêu cầu anh P cấp dưỡng nuôi con vì chị có điều kiện;
- Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết;
- Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết;

Tại bản tự khai, lời trình bày trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn anh Danh P trình bày:

Vào năm 2009, anh cùng chị P, có tổ chức lễ cưới, chung sống vợ chồng và có đăng ký kết hôn tại UBND xã TL, huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang theo quy định pháp luật. Trong quá trình chung sống vợ chồng anh có 02 con chung là cháu Danh Thị Thu P, sinh ngày 01/01/2011 và cháu Danh Thị Thu P, sinh ngày 30/04/2013. Về tài sản chung: quá trình chung sống vợ chồng anh không có tạo lập tài sản chung; về nợ chung: vợ chồng anh chị không có nợ ai.

Nguyên nhân mâu thuẫn: Trong quá trình chung sống vợ chồng anh không xảy ra mâu thuẫn, không cự cãi nhau, anh và vợ sống chung nhà với cha mẹ vợ nhưng đến ngày 30/8/2021 âm lịch anh bỏ về nhà cha mẹ anh vì anh cảm thấy vợ chồng không hợp nhau. Từ đó đến nay anh không có chủ động hàn gắn với vợ anh mặc dù anh có tới lui thăm con.

Nay chị P khởi kiện xin ly hôn thì anh có ý kiến như sau:

- Về hôn nhân: Không đồng ý ly hôn với chị P vì anh P còn thương vợ, thương con, không muốn con sống thiếu tình thương của cha mẹ.

- Về con chung: Yêu cầu được chăm sóc nuôi dưỡng 02 con là cháu Danh Thị Thu P, sinh ngày 01/01/2011 và cháu Danh Thị Thu P, sinh ngày 30/04/2013 và không yêu cầu chị P cấp dưỡng nuôi con;

- Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết;

- Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết;

Tại phiên tòa Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, sự tuân theo pháp luật của những người tham gia tố tụng và ý kiến về việc giải quyết vụ án:

Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký thực hiện đúng quy định tại Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Thời hạn chuẩn bị xét xử và quyết định đưa vụ án ra xét xử là đúng quy định tại Điều 203 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Thị P được ly hôn với anh Danh P. Về con chung: Giao 02 con chung là cháu Danh Thị Thu P, sinh ngày 01/01/2011 và cháu Danh Thị Thu P, sinh ngày 30/04/2013 cho chị P tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng (theo nguyện vọng của cháu Phương, cháu Phong) và chị P không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con; về tài sản chung và nợ chung: Chị P và anh Phô đều xác định là không có, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết, do đó đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị Thị P yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn và nuôi con với anh Danh P, do đó đây là quan hệ “*Tranh chấp ly hôn và nuôi con*”, đồng thời bị đơn anh Danh P có địa chỉ cư trú tại ấp TH, xã TL, huyện Châu Thành, Kiên Giang nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang theo quy định tại khoản 1 Điều 28 BLTTDS năm 2015, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của BLTTDS năm 2015.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Thị P và anh Danh P xác định anh chị xác lập quan hệ vợ chồng trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã TL, huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang và đã được cấp giấy chứng nhận kết hôn theo đúng quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử nhận định hôn nhân của anh chị là hợp pháp.

Xét yêu cầu khởi kiện của chị Thị P yêu cầu ly hôn với anh Danh P: Hội đồng xét xử thấy rằng trong quá trình giải quyết vụ án thì chị Thị P và anh Danh P đều xác nhận sau khi cưới anh chị sống hạnh phúc với nhau nhưng thời gian sau vợ chồng anh chị cảm thấy vợ chồng không còn hợp nhau và anh P tự ý bỏ về nhà cha mẹ từ ngày 30/8/2021 cho đến nay đã hơn một năm mặc dù anh P có về nhà để thăm con nhưng anh P không lần nào chủ động hàn gắn để vợ chồng đoàn tụ với nhau. Nay thời gian ly thân đã lâu và chị P xác định không còn tình cảm vợ chồng với anh P nên chị P kiên quyết xin ly hôn, còn anh P không đồng ý ly hôn với lý do còn thương vợ.

Hội đồng xét xử thấy rằng mặc dù anh P trình bày rằng vợ chồng anh không mâu thuẫn nhưng chính anh P là người đầu tiên chủ động rời khỏi nơi chung sống của vợ chồng, chứng tỏ anh P không còn tự nguyện chung sống với chị P và anh là người chủ động ly thân vì cảm thấy vợ chồng không hợp nhau. Do đó việc anh P trình bày lý do anh không đồng ý ly hôn vì còn thương vợ là không thuyết phục. Đồng thời, tại biên bản hòa giải vào ngày 18/8/2022 thì chị P vẫn kiên quyết xin ly hôn với anh P nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị P về việc xin ly hôn với anh P là hoàn toàn phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 2, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[2.2] Về việc nuôi con chung: Chị P và anh P đều xác nhận trong quá trình chung sống vợ chồng anh chị có 02 người con chung là cháu Danh Thị Thu P, sinh ngày 01/01/2011 và cháu Danh Thị Thu P, sinh ngày 30/04/2013, hiện tại 02 con đang sống chung với chị Phụng. Anh Phô và chị P đều yêu cầu được chăm sóc nuôi dưỡng 02 người con chung, không yêu cầu chị P cấp dưỡng nuôi con. Hội đồng xét xử xét yêu cầu về việc nuôi con chung của anh P, chị P: Tại biên bản ghi nhận ý kiến của con chưa thành niên ngày 12/8/2022 (bút lục số 21, 22), cháu Danh Thị Thu P, Danh Thị Thu P có nguyện vọng sống với chị P. Do đó, Hội đồng xét xử xét giao 02 con chung cho chị P tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng phù hợp với nguyện vọng của cháu P và cháu P là phù hợp với quy định tại các Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và

gia đình năm 2014. Anh P có quyền, nghĩa vụ thăm nom cháu P, cháu P mà không ai được cản trở. Về cấp dưỡng nuôi con: Do chị P tự nguyện không yêu cầu anh P cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[2.3] Về tài sản chung: Chị P và anh P đều xác định rằng anh chị không có tài sản chung và không yêu cầu Tòa án giải quyết, do đó Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[2.4] Về nợ chung: Chị P và anh P đều xác định rằng anh chị không có nợ ai và không ai nợ anh chị, không yêu cầu Tòa án giải quyết, do đó Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

Từ những nhận định nêu trên, Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị P về việc tranh chấp ly hôn và nuôi con là có căn cứ và phù hợp với quy định của pháp luật.

[3] Xét quan điểm và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là có căn cứ và phù hợp với quy định của pháp luật như đã phân tích nêu trên, nên Hội đồng xét xử cần chấp nhận.

[4] Về án phí: Chị P phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm với số tiền là 300.000 đồng. Anh P không phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 266, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Khoản 1 Điều 2, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Thị P về việc “Tranh chấp ly hôn và nuôi con” với anh Danh P.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Thị P được ly hôn anh Danh P.
2. Về con chung: Giao 02 người con chung là cháu Danh Thị Thu P, sinh ngày 01/01/2011 và cháu Danh Thị Thu P, sinh ngày 30/04/2013 cho chị P tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng (theo nguyện vọng của cháu P, cháu P) và chị P tự nguyện không yêu cầu anh P cấp dưỡng nuôi con vì chị có điều kiện. Anh P có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.
3. Về tài sản chung và nợ chung: Chị P và anh P đều xác định là không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết, do đó Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết (Miễn xét).
4. Về án phí: Chị P phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm với số tiền là 300.000 đồng nhưng được khấu trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0009456 ngày 20/06/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang (đã nộp xong). Anh P không phải chịu án phí.
5. Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.
6. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND huyện Châu Thành;
- THADS huyện Châu Thành;
- UBND xã Thạnh Lộc;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Danh Phạm Ngọc Khánh

